

Số: /2022/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung, một số điều của Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách*

ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1208/TTr-SNV ngày 28/4/2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị- xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh Long An, cụ thể như sau:

### 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã:**

#### 1. Về chức danh:

STT	Cấp xã loại 1 (14 chức danh)	TT	Cấp xã loại 2 (12 chức danh)	TT	Cấp xã loại 3 (10 chức danh)
1	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự đảm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự đảm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự đảm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
2	Nhân viên Thú y - Khuyến nông	2	Nhân viên Thú y - Khuyến nông	2	Nhân viên Thú y - Khuyến nông
3	Nhân viên Văn phòng cấp ủy - Tuyên giáo	3	Nhân viên Văn phòng cấp ủy - Tuyên giáo	3	Nhân viên Văn phòng cấp ủy - Tuyên giáo
4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
5	Nhân viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng	5	Nhân viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng - Đài Truyền thanh	5	Nhân viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng - Đài Truyền thanh
6	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ	6	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ	6	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ

7	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra - Tổ chức Đảng	7	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra - Tổ chức Đảng	7	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra - Tổ chức Đảng
8	Kế toán - Ngân sách	8	Kế toán - Ngân sách	8	Kế toán - Ngân sách đảm nhiệm Kinh tế - Kế hoạch
9	Kinh tế - Kế hoạch	9	Kinh tế - Kế hoạch	9	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ
10	Nhân viên Đài Truyền thanh	10	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	10	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
11	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	11	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ		
12	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	12	Phó Chủ tịch Hội Nông dân		
13	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ				
14	Phó Chủ tịch Hội Nông dân				

a) Đối với cấp xã loại 3, tùy tình hình thực tế, địa phương quyết định nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội Nông dân do Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ hoặc Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đảm nhiệm.

b) Trường hợp phường loại 1, loại 2 không có tổ chức Hội Nông dân, địa phương xem xét, bố trí 01 Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh để thay thế cho chức danh Phó Chủ tịch Hội Nông dân không bố trí (trường hợp này, 01 chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự sẽ không đảm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh).

## **2. Về số lượng:**

- a) Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 14 người.
- c) Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa không quá 12 người.
- d) Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa không quá 10 người.”

## **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:**

**“Điều 10. Mức khoán kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:**

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được khoán kinh phí hoạt động tối thiểu bằng với định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại

điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh.

2. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân cấp xã được khoán kinh phí hoạt động tối thiểu bằng với định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Riêng Hội Nông dân cấp xã loại 3 tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Quyết định này được khoán kinh phí hoạt động tối thiểu (đã bao gồm định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh) như sau:

- Đối với cấp xã loại 3 thuộc vùng sâu: 34.400.000 đồng/năm/đơn vị
- Đối với cấp xã loại 3 còn lại: 31.400.000 đồng/năm/đơn vị.

b) Trường hợp cấp xã không có tổ chức Hội Nông dân thì không bố trí kinh phí hoạt động.

3. Hội Cựu chiến binh cấp xã được khoán mức tối thiểu (đã bao gồm định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh), như sau:

- Đối với cấp xã thuộc vùng sâu: 34.400.000 đồng/năm/đơn vị.
- Đối với cấp xã còn lại: 31.400.000 đồng/năm/đơn vị.

Riêng Hội Cựu chiến binh phường loại 1, loại 2 được bố trí theo điểm b, khoản 1 Điều 3 Quyết định này được khoán mức tối thiểu (đã bao gồm định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh), như sau:

- Đối với phường loại 1, loại 2 thuộc vùng sâu: 40.000.000 đồng/năm/đơn vị.
- Đối với phường loại 1, loại 2 còn lại: 34.000.000 đồng/năm/đơn vị.”

3. Bãi bỏ tiết 3 điểm a khoản 2 Điều 5 và điểm đ khoản 1 Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An.

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các sở ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2022.

Những nội dung được quy định tại Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 15/4/2022. Việc sắp xếp các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã điều chỉnh theo Quyết định này hoàn thành chậm nhất cuối quý III năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh (đăng công báo);
- Phòng THKSTTHC;
- Ban NC-TCD tỉnh;
- Lưu: VT.

ĐC\_suadoiQDso28cuaUBNDtinhveCBkhongchuyentrach.docx

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Út**